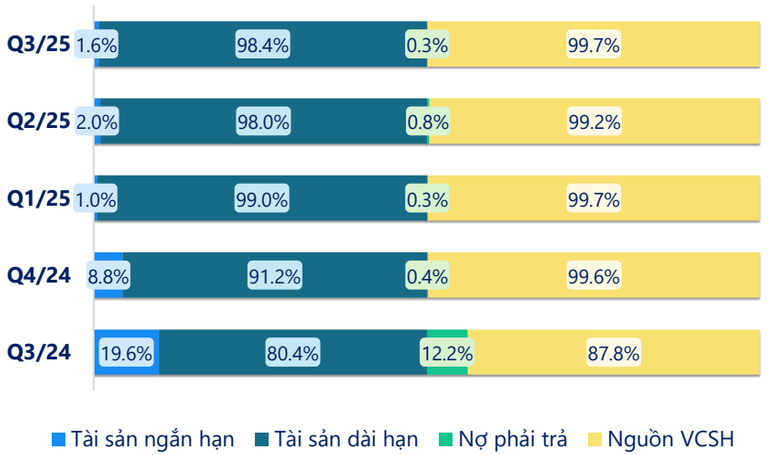
FireAnt

CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	32,219,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	80,925
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	290
P/E	115.5
EPS	78

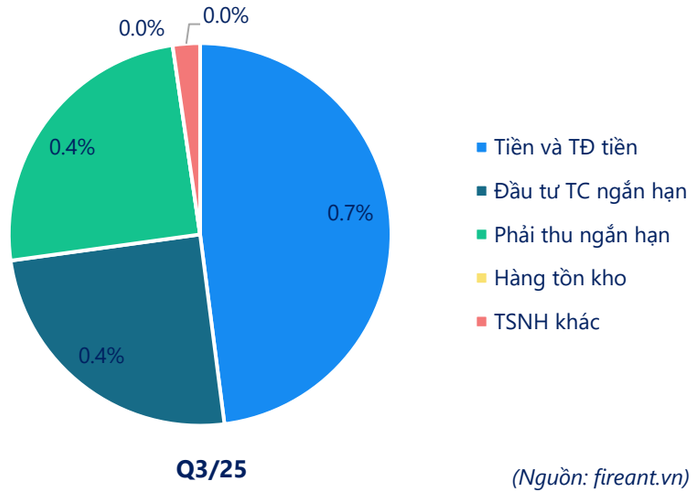
	YTD	1T	3T	6T
DST	47.5%	-3.2%	8.4%	57.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



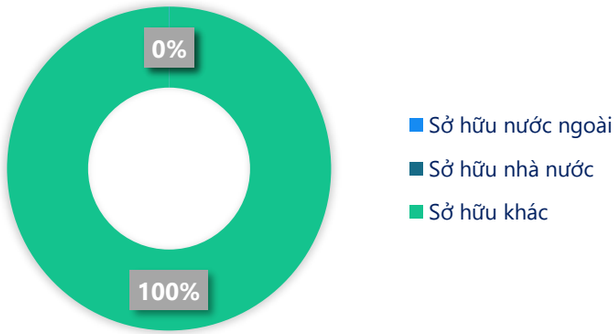
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



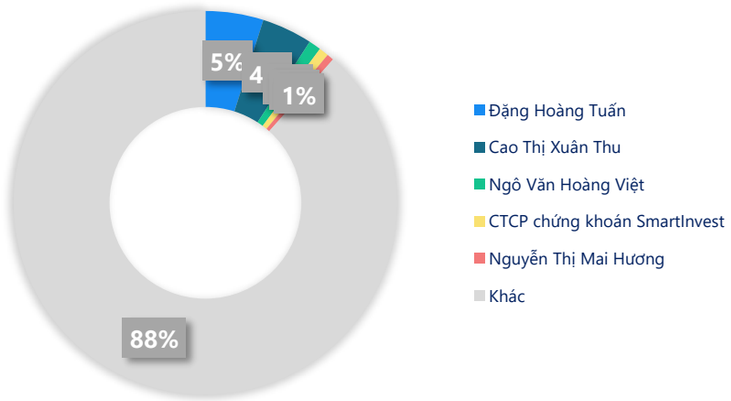
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



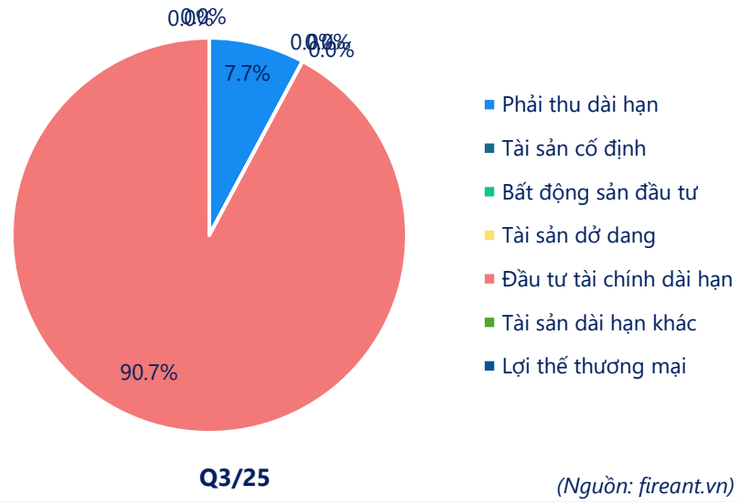
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

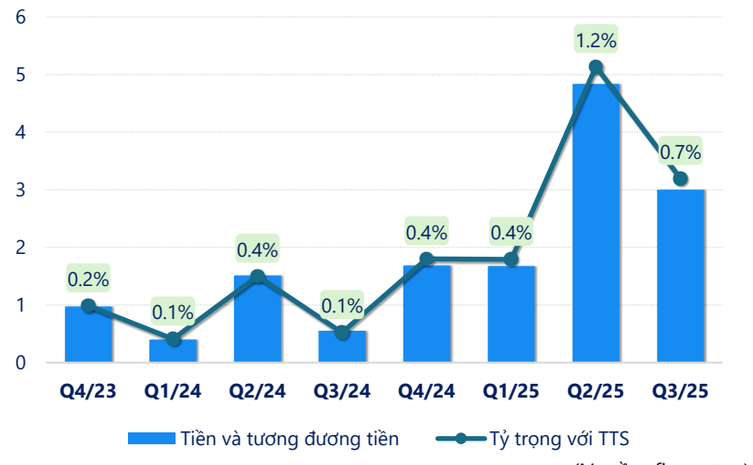


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

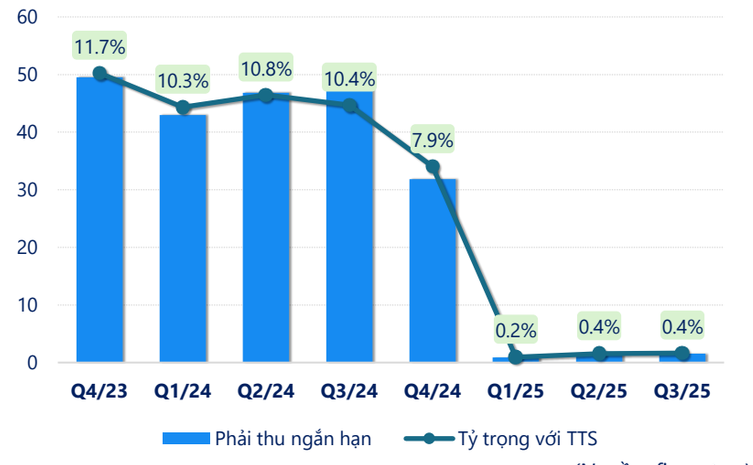
CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Tiền và tương đương tiền



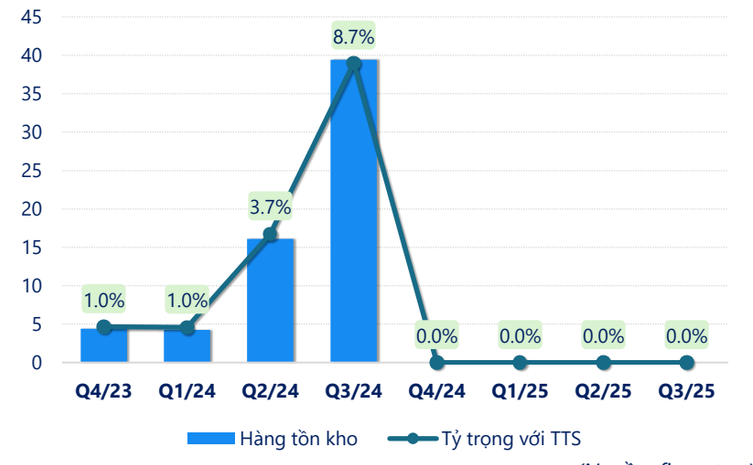
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



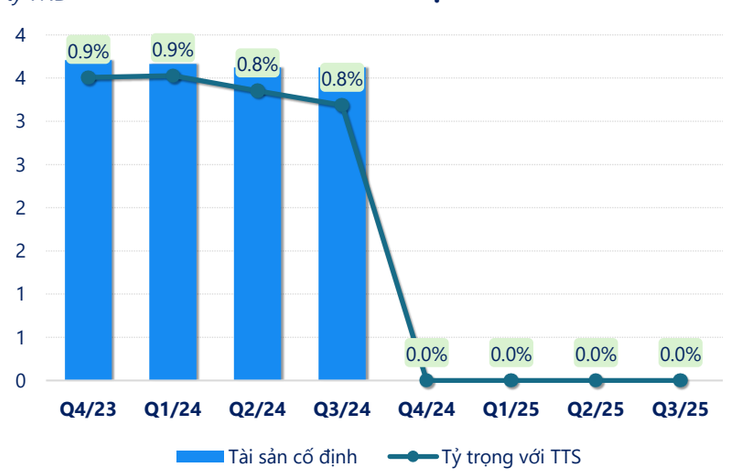
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



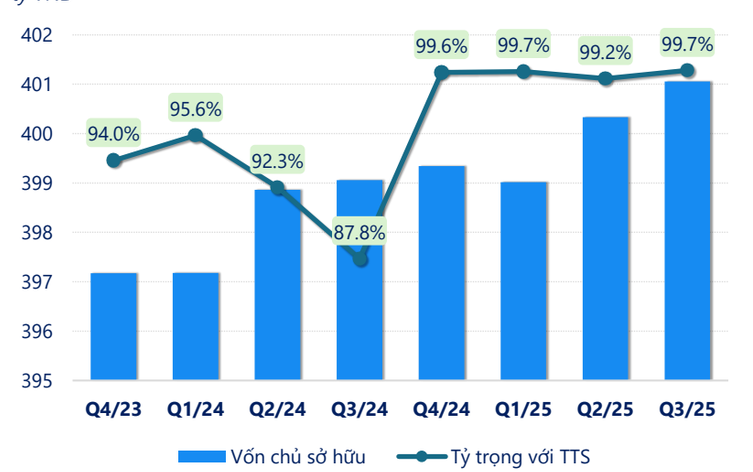
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

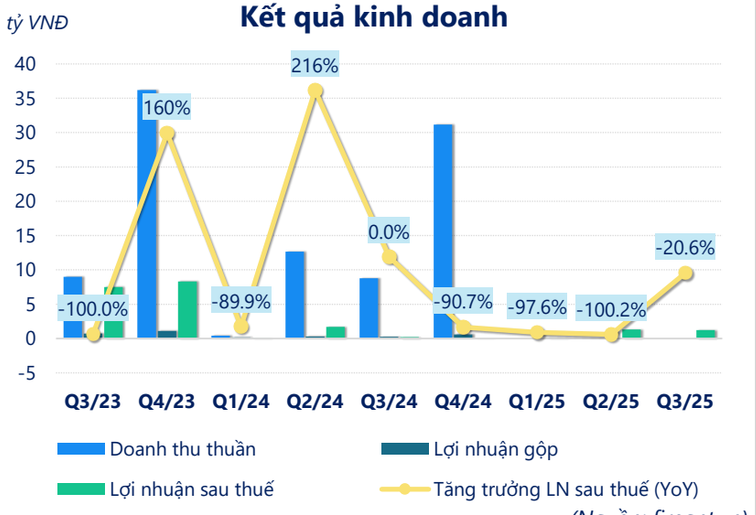


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

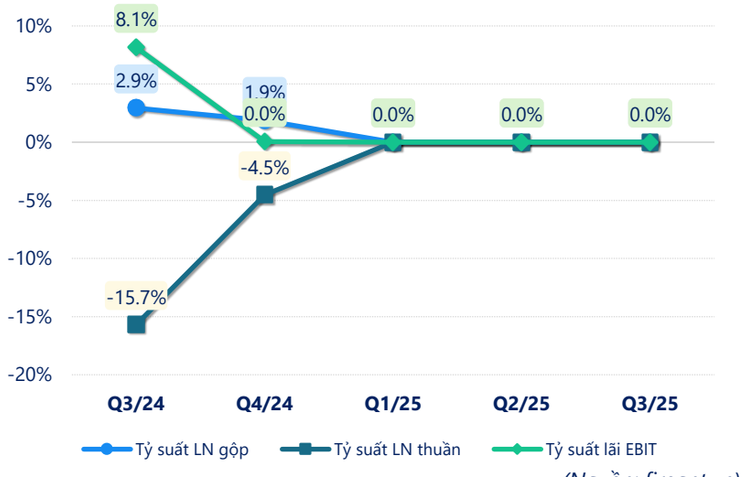
CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Kết quả kinh doanh



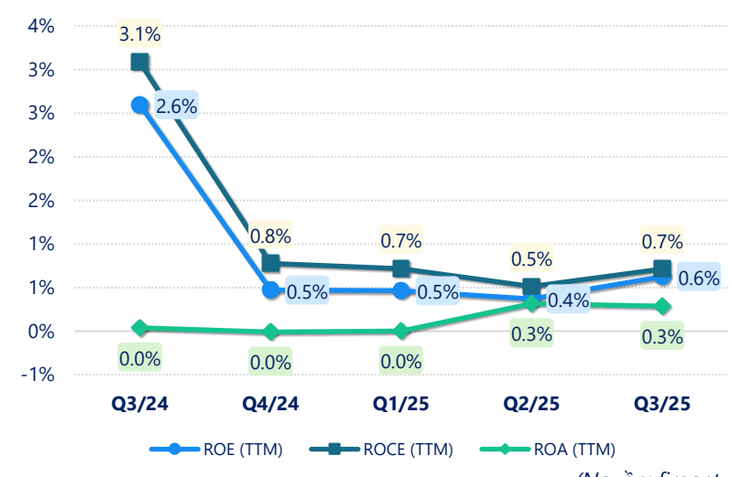
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



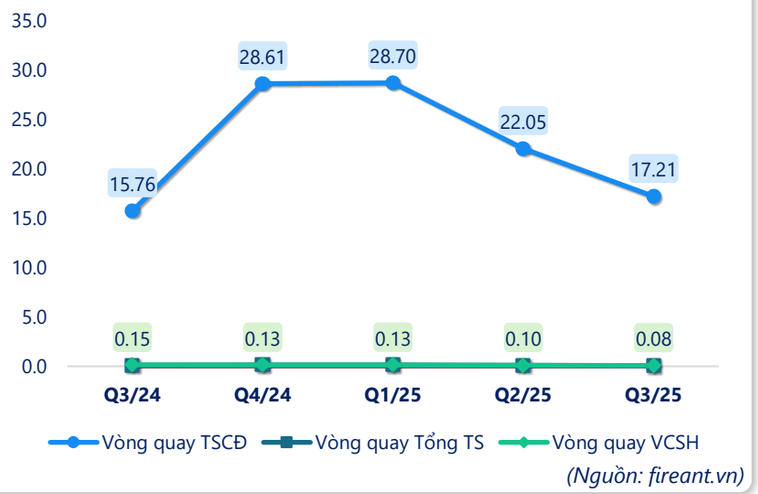
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



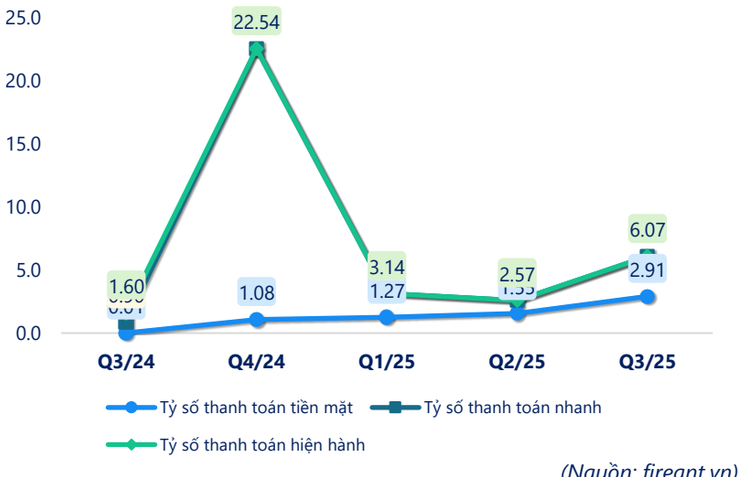
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



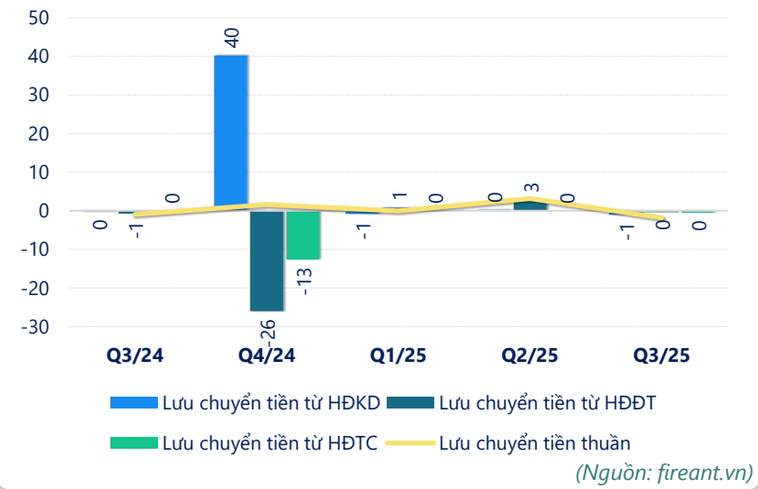
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**402**	**401**	**0.4%**
Tài sản ngắn hạn	6.25	4.35	43.6%
Tiền và tương đương tiền	3.00	1.69	77.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.55	1.73	-10.3%
Phải thu ngắn hạn	1.56	0.82	90.2%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.14	0.12	24.1%
Tài sản dài hạn	**396**	**396**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	31.0	31.0	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	365	365	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.02**	**-42.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.03	1.73	-40.4%
Nợ ngắn hạn	**1.03**	**1.53**	**-32.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.19	0.22	-16.3%
Nợ dài hạn	0	0.20	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**401**	**399**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**401**	**399**	**0.5%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	8.77	31.2	0	0	0
Giá vốn hàng bán	8.52	30.6	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0.26	0.58	0	0	0
Doanh thu HĐTC	0.06	1.85	0.92	2.33	0.95
Chi phí TC	0.14	-0.13	0.25	0.25	0.03
Chi phí lãi vay	0.15	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	-0.39	-0.86	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.18	0.17	0	0	0
Chi phí QLDN	0.98	2.94	0.66	0.76	0.48
LN thuần từ HĐKD	-1.38	-1.41	0.00	1.32	0.45
Lợi nhuận khác	1.94	1.43	0.00	0.00	1.07
LN trước thuế	0.57	0.01	0.00	1.32	1.52
Lợi nhuận sau thuế	0.20	-0.04	0.00	1.32	1.23
LNST của CĐ cty mẹ	0.20	-0.04	0.00	1.32	1.23

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.26	40.2	-0.83	0.29	-1.05
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.70	-26.0	0.82	2.87	-0.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-12.6	0	0	-0.47
Tiền đầu kỳ	1.51	0.55	1.69	1.67	4.84
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.96**	**1.61**	**-0.01**	**3.16**	**-1.84**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.55	1.69	1.67	4.84	3.00

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic